ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH SINH VIÊN KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT TỐT NGHIỆP

Mọi thắc mắc sinh viên liên hệ:
Về hồ sơ: liên hệ phòng CT HSSV ĐT - 0280.3847173
Về học phí: Sinh viên liên hệ với cơ sở liên kết đào tạo

1. Danh sách sinh viên khóa 09

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐTBTL	Xếp loại	Hồ sơ SV	Học phí	Lớp	Ghi chú
1	BN09X-036	Ngô Văn	Hội	07/08/1987	Nam	2.16	Trung bình	Thiếu			
2	BN09X-037	Kiều Anh	Hùng	09/09/1977	Nam	2.31	Trung bình khá	Thiếu			
3	BN09X-065	Đào Đức	Sơn	22/08/1985	Nam	2.3	Trung bình khá	Thiếu		BN09XD	
4	BN09X-074	Nguyễn Đức	Thêm	30/03/1970	Nam	2.19	Trung bình	Thiếu			
5	BN09X-076	Nguyễn Hữu	Thuần	20/05/1965	Nam	2.31	Trung bình khá	Thiếu			
6	HC09X-014	Nguyễn Văn	Hiệp	29/01/1990	Nam	2.53	Khá	Thiếu			
7	HC09X-015	Vũ Mạnh	Hoàn	30/01/1988	Nam	2.57	Khá	Thiếu			
8	HC09X-016	Đinh Văn	Hùng	12/07/1979	Nam	2.46	Trung bình khá	Thiếu			
9	HC09X-017	Đỗ Đức	Hùng	08/01/1976	Nam	2.65	Khá	Thiếu			
10	HC09X-023	Nguyễn Đức	Minh	05/05/1987	Nam	2.3	Trung bình khá		Nợ HP		
11	HC09X-024	Nguyễn Hữu	Minh	01/01/1978	Nam	2.66	Khá		Nợ HP		
12	HC09X-028	Phạm Thái	Phú	11/03/1984	Nam	2.47	Trung bình khá	Thiếu		HC09XD	
13	BN09M-031	Trần Mạnh	Quân	14/10/1991	Nam	2.32	Trung bình khá	Thiếu			
14	HC09X-038	Bùi Văn	Tình	25/04/1988	Nam	2.43	Trung bình khá	Thiếu			
15	HC09X-043	Nguyễn Văn	Tuấn	19/07/1986	Nam	2.34	Trung bình khá	Thiếu			
16	HC09X-045	Trần Duy	Tùng	25/05/1987	Nam	2.47	Trung bình khá	Thiếu			
17	BN09M-023	Nguyễn Quang	Chuân	01/12/1983	Nam	2.73	Khá	Thiếu			

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐTBTL	Xếp loại	Hồ sơ SV	Học phí	Lớp	Ghi chú
18	BN09M-032	Nguyễn Văn	Trường	20/04/1985	Nam	2.7	Khá	Thiếu			
19	TC09X-101	Phạm Hải	Đăng	10/06/1977	Nam	2.25	Trung bình	Thiếu		TC09XD	
20	YB09X-045	Trương Hồng	Quân	16/4/1971	Nam	2.75	Khá	Thiếu		YB09XD	
21	YB09X-062	Nguyễn Anh	Tuấn	30/7/1982	Nam	2.29	Trung bình		Nợ HP		
22	YB09X-052	Phạm Công	Thành	31/10/1986	Nam	2.43	Trung bình khá		Nợ HP		
23	HC09I-102	Lương Văn	Công	05/9/1983	Nam	2.41	Trung bình khá		Nợ HP	HC09I-TĐH	
24	HC09I-104	Hà Văn	Dân	20/6/1985	Nam	2.29	Trung bình		Nợ HP		
25	HC09I-105	Trần Anh	Đào	05/8/1987	Nam	2.85	Khá		Nợ HP		
26	HC09I-108	Nguyễn Thành	Đức	10/04/1986	Nam	2.45	Trung bình khá	Thiếu	Nợ HP		
27	HC09I-115	Bùi Việt	Hà	20/9/1986	Nam	2.59	Khá	Thiếu			
28	HC09I-116	Lê Đắc	Hà	20/08/1984	Nam	2.36	Trung bình khá		Nợ HP		
29	HC09I-119	Bùi Trần	Hùng	11/11/1984	Nam	2.35	Trung bình khá		Nợ HP		
30	HC09I-121	Lê Thế	Hưng	17/03/1987	Nam	2.35	Trung bình khá		Nợ HP		
31	HC09I-130	Trần Văn	Nam	11/04/1984	Nam	2.78	Khá		Nợ HP		
32	HC09I-135	Nguyễn Quang	Ninh	15/08/1986	Nam	2.29	Trung bình	Thiếu	Nợ HP		
33	HC09I-137	Lê Thanh	Phươn	28/09/1986	Nam	2.24	Trung bình	Thiếu			
34	HC09I-142	Lê Trần	Quang	12/09/1961	Nam	3.04	Khá		Nợ HP		
35	HC09I-143	Trần Văn	Quảng	12/12/1984	Nam	2.34	Trung bình khá	Thiếu	Nợ HP		
36	BN09M-033	Nguyễn Xuân	Trường	01/07/1986	Nam	2.35	Trung bình khá	Thiếu			
37	HC09I-163	Trần Công	Trường	07/06/1985	Nam	2.85	Khá		Nợ HP		
38	HC09I-170	Nguyễn Văn	Viễn	02/10/1981	Nam	2.12	Trung bình		Nợ HP		
39	HC09I-145	Vũ Đức	Sen	06/02/1984	Nam	2.52	Khá		Nợ HP		
40	HC09I-139	Hoàng Kim	Quân	10/03/1984	Nam	2.55	Khá		Nợ HP		
41	HP09I-002	Nguyễn Đức	Anh	//19	Nam	2.48	Trung bình khá		Nợ HP	HP09I-TĐH	
42	HP09I-010	Lê Đình	Hoàn	//19	Nam	2.55	Khá		Nợ HP		
43	HP09I-015	Nguyễn Đức	Huyên	//19	Nam	2.37	Trung bình khá		Nợ HP		
44	HP09I-014	Lại Thị	Huyền	//19	Nữ	2.46	Trung bình khá		Nợ HP		
45	HP09I-021	Nguyễn Hồng	Nam	//19	Nam	2.71	Khá		Nợ HP		

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐTBTL	Xếp loại	Hồ sơ SV	Học phí	Lớp	Ghi chú
46	HP09I-034	Đỗ Mạnh	Tiến	//19	Nam	2.62	Khá		Nợ HP		
47	YB09I-002	Trần Chí	Anh	//19	Nam	2.39	Trung bình khá	Thiếu		YB09I-TĐH	
48	YB09I-010	Vũ Xuân	Cường	//19	Nam	2.38	Trung bình khá	Thiếu			
49	YB09I-021	Trần Xuân	Hiếu	//19	Nam	2.37	Trung bình khá	Thiếu			
50	YB09I-025	Hán Duy	Long	//19	Nam	2.35	Trung bình khá	Thiếu			
51	YB09I-026	Nguyễn Thành	Luân	//19	Nam	2.32	Trung bình khá	Thiếu	Nợ HP		
52	YB09I-029	Nguyễn Thế	Minh	//19	Nam	2.57	Khá	Thiếu			
53	YB09I-038	Lê Minh	Quang	//19	Nam	2.22	Trung bình	Thiếu			
54	YB09I-043	Nguyễn Đại	Sơn	//19	Nam	2.41	Trung bình khá	Thiếu			
55	YB09I-049	Trần Công	Thành	//19	Nam	2.34	Trung bình khá	Thiếu			
56	YB09I-052	Phạm Tiến	Thuật	//19	Nam	2.36	Trung bình khá	Thiếu	Nợ HP		
57	YB09I-054	Trần Xuân	Tĩnh	//19	Nam	2.21	Trung bình	Thiếu			
58	YB09I-058	Phạm Anh	Tuấn	//19	Nam	2.12	Trung bình	Thiếu	Nợ HP		
59	HP09I-103	Lâm Văn	Đạt	29/06/1986	Nam	2.19	Trung bình		Nợ HP	HP09I-HTĐ	
60	HP09I-107	Trần	Hoàng	19/12/1985	Nam	2.48	Trung bình khá	Thiếu	Nợ HP		
61	HP09I-111	Khúc Văn	Khiên	16/02/1987	Nam	2.24	Trung bình		Nợ HP		
62	HP09I-120	Phạm Thị	Thanh	10/05/1986	Nữ	2.83	Khá		Nợ HP		
63	HP09I-122	Đào Văn	Thuấn	13/06/1987	Nam	2.25	Trung bình		Nợ HP		
64	HP09I-125	Nguyễn Ngọc	Vũ	24/01/1983	Nam	2.22	Trung bình		Nợ HP		
65	TH09I-002	Nguyễn Trọng	Ba	15/03/1982	Nam	2.41	Trung bình khá	Thiếu		TH09I-HTĐ	
66	TH09I-004	Phạm Đắc	Bình	27/12/1973	Nam	2.53	Khá	Thiếu			
67	TH09I-013	Tào Văn	Hạnh	16/12/1973	Nam	2.54	Khá	Thiếu			
68	TH09I-023	Trịnh Thị	Lài	10/10/1985	Nữ	2.61	Khá	Thiếu			
69	BN09I-039	Trần Quốc	Ngọc	14/03/1975	Nam	2.54	Khá	Thiếu			
70	TH09I-057	Nguyễn Ngọc	Trung	12/05/1988	Nam	2.28	Trung bình	Thiếu			
71	TH09I-060	Nguyễn Quốc	Tuấn	26/09/1972	Nam	2.45	Trung bình khá	Thiếu			
72	TH09I-060	Nguyễn Quốc	Tuấn	26/09/1972	Nam	2.45	Trung bình khá	Thiếu			
73	VPT09I-001	Trần Ngọc	Anh	08/10/1986	Nam	2.75	Khá		Nợ HP		

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐTBTL	Xếp loại	Hồ sơ SV	Học phí	Lớp	Ghi chú
74	TC10I-102	Kiều Xuân	Chi	01/09/1966	Nam	2.54	Khá		Nợ HP		
75	VP10I-004	Nguyễn Quyết	Chiến	25/12/1979	Nam	2.43	Trung bình khá		Nợ HP		
76	BS09I-003	Lê Xuân	Cương	28/03/1983	Nam	2.28	Trung bình		Nợ HP		
77	VPT09I-009	Nguyễn Tiến	Dũng	04/01/1978	Nam	2.32	Trung bình khá		Nợ HP		
78	BS09I-006	Nguyễn Đức	Dương	04/12/1982	Nam	2.26	Trung bình		Nợ HP		
79	YB09I-014	Trần Đại	Dương	20/06/1975	Nam	2.32	Trung bình khá		Nợ HP		
80	VPT09I-007	Nguyễn Xuân	Đông	08/10/1987	Nam	2.3	Trung bình khá		Nợ HP		
81	VP10I-012	Phùng Tuấn	Hải	03/01/1986	Nam	2.41	Trung bình khá		Nợ HP		
82	TC10I-110	Hoàng Tân	Hưng	02/06/1981	Nam	2.5	Khá		Nợ HP		
83	VPT09I-015	Phùng Mạnh	Hưng	17/05/1984	Nam	2.08	Trung bình		Nợ HP		
84	VPT09I-017	Đỗ Trung	Kiên	11/01/1981	Nam	2.34	Trung bình khá		Nợ HP		
85	VPT09I-019	Phạm Vương	Mạnh	31/03/1983	Nam	2.19	Trung bình		Nợ HP		
86	VPT09I-020	Trịnh Thế	Nam	17/12/1980	Nam	2.23	Trung bình		Nợ HP		
87	VPT09I-024	Nguyễn Hồng	Sơn	05/08/1981	Nam	2.48	Trung bình khá		Nợ HP		
88	VPT09I-026	Nguyễn Xuân	Sơn	07/09/1980	Nam	2.24	Trung bình		Nợ HP		
89	VPT09I-028	Trần Ngọc	Thạch	23/05/1987	Nam	2.43	Trung bình khá		Nợ HP		
90	VPT09I-031	Nguyễn Tiến	Thành	11/10/1987	Nam	2.28	Trung bình		Nợ HP		
91	VPT09I-030	Phạm Tất	Thắng	30/01/1977	Nam	2.45	Trung bình khá		Nợ HP		
92	VP10I-032	Nguyễn Thị Ph	Thúy	13/09/1985	Nữ	2.66	Khá		Nợ HP		
93	VP10I-033	Nguyễn Văn	Tiến	15/04/1983	Nam	2.56	Khá		Nợ HP		
94	VPT09I-033	Hà Ngọc	Toản	07/06/1976	Nam	2.5	Khá		Nợ HP		
95	VP10I-038	Lê Văn	Trí	01/06/1979	Nam	2.65	Khá		Nợ HP	VPT09I-HTĐ	
96	TC10I-118	Nguyễn Anh	Tuấn	30/10/1987	Nam	2.32	Trung bình khá		Nợ HP		
97	VPT09I-039	Nguyễn Ngọc	Tuấn	12/04/1981	Nam	2.52	Khá		Nợ HP		
98	TC10I-122	Hoàng Quang	Tuyền	04/08/1984	Nam	2.28	Trung bình		Nợ HP		
99	TC10I-121	Phạm Mạnh	Tường	01/09/1968	Nam	2.65	Khá		Nợ HP		
100	TC10I-123	Triệu Anh	Vĩ	07/04/1986	Nam	2.42	Trung bình khá		Nợ HP		
101	VP10I-046	Lê Hồng	Vương	21/05/1983	Nam	2.45	Trung bình khá		Nợ HP		

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐTBTL	Xếp loại	Hồ sơ SV	Học phí	Lớp	Ghi chú
102	TC10I-124	Nguyễn Thị	Yến	17/12/1984	Nữ	2.64	Khá		Nợ HP		
103	VP10I-006	Nguyễn Thành	Công	19/04/1985	Nam	2.65	Khá	Thiếu	Nợ HP		
104	VPT09I-005	Quách Văn	Cường	29/05/1982	Nam	2.3	Trung bình khá	Thiếu	Nợ HP		
105	VPT09I-006	Nghiêm Trung	Đản	22/05/1982	Nam	2.23	Trung bình	Thiếu	Nợ HP		
106	VP10I-009	Nguyễn Xuân	Đồng	01/09/1970	Nam	2.48	Trung bình khá	Thiếu	Nợ HP		
107	VPT09I-008	Trần Ngọc	Đức	01/10/1983	Nam	2.13	Trung bình	Thiếu	Nợ HP		
108	VPT09I-011	Tống Duy	Hà	23/12/1982	Nam	2.23	Trung bình	Thiếu	Nợ HP		
109	BS09I-009	Nguyễn Trung	Hải	30/12/1986	Nam	2.74	Khá	Thiếu	Nợ HP		
110	VP10I-016	Lê Quốc	Hùng	22/06/1986	Nam	2.34	Trung bình khá	Thiếu	Nợ HP		
111	TC10I-111	Lê Đình	Khánh	08/01/1980	Nam	2.18	Trung bình	Thiếu	Nợ HP		
112	VP10I-019	Hồ Văn	Luân	28/08/1989	Nam	2.41	Trung bình khá	Thiếu	Nợ HP		
113	VPT09I-021	Nguyễn Thị Hà	Nga	03/11/1983	Nữ	2.55	Khá	Thiếu	Nợ HP		
114	BS09I-016	Lê Thanh	Sáu	25/02/1985	Nam	2.41	Trung bình khá	Thiếu	Nợ HP		
115	TC10I-115	Nguyễn Thành	Sơn	21/08/1988	Nam	2.37	Trung bình khá	Thiếu	Nợ HP		
116	VPT09I-029	Lê Quý	Thắng	21/06/1984	Nam	2.32	Trung bình khá	Thiếu	Nợ HP		
117	VPT09I-037	Nguyễn Anh	Tú	18/06/1984	Nam	2.43	Trung bình khá	Thiếu	Nợ HP		
118	HP09M-001	Đoàn Trọng	An	21/01/1991	Nam	2.39	Trung bình khá		Nợ HP	HP09M-CTM	
119	HP09M-002	Ngô Văn	An	18/11/1988	Nam	2.52	Khá		Nợ HP		
120	HP09M-005	Nguyễn Cao	Cường	20/07/1982	Nam	2.5	Khá		Nợ HP		
121	HP09M-006	Đào Khắc	Điệp	19/05/1988	Nam	2.67	Khá		Nợ HP		
122	HP09M-011	Vũ Trung	Hải	03/03/1983	Nam	2.51	Khá		Nợ HP		
123	HP09M-017	Nguyễn Minh	Kiên	17/12/1989	Nam	2.64	Khá		Nợ HP		
124	HP09M-020	Nguyễn Thành	Luân	05/10/1988	Nam	2.68	Khá		Nợ HP		
125	HP09M-025	Vũ Đức	Nam	15/03/1981	Nam	2.52	Khá		Nợ HP		
126	HP09M-027	Đoàn Như	Nguyê	24/01/1977	Nam	2.56	Khá		Nợ HP		
127	HP09M-030	Đoàn Văn	Thảo	15/10/1973	Nam	2.54	Khá	Thiếu			
2. Danh sách sinh viên xin xét tốt nghiệp bổ sung											
1	CN07M-033	Tăng Hữu	Thái	04/10/1985	Nam	6.12	Trung bình khá	Thiếu			

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐTBTL	Xếp loại	Hồ sơ SV	Học phí	Lớp	Ghi chú
2	1122071166	Lê Thăng	Long	24/9/1983	Nam	6.03	Trung bình khá		Nợ HP		
3	TC083101074	Nguyễn Đức	Tuyên	02/01/1985	Nam	2.01	Trung bình		Nợ HP		
4	TC083101067	Vũ Đỗ	Tiệp	19/6/1985	Nam	2.14	Trung bình		Nợ HP		
5	HC08I-010	Cao	Cường	02/11/1987	Nam	2.30	Trung bình khá	Thiếu			
6	HC09I-024	Trần Văn	Hóa	01/11/1983	Nam	2.42	Trung bình khá	Thiếu			
7	HP05I-086	Phùng Văn	Vinh	05/07/1984	Nam	6.29	Trung bình khá	Thiếu			
8	HP08I-152	Trịnh Trường	Tộ	10/06/1983	Nam	2.45	Trung bình khá		Nợ HP		
9	BN08X-007	Nguyễn Đức	Cường	26/11/1983	Nam	2.19	Trung bình		Nợ HP		
10	LC09X-088	Nguyễn Thành	Bính	02/02/1976	Nam	2.54	Khá		Nợ HP		
11	LC09X-087	Hoàng Đình	Anh	24/4/1978	Nam	2.53	Khá		Nợ HP		
12	LC09X-114	Trần Văn	Hòa	07/09/1979	Nam	2.31	Trung bình khá		Nợ HP		
13	LC09X-044	Lương Ngọc	Khiên	24/10/1986	Nam	2.19	Trung bình		Nợ HP		
14	CĐ06I-052	Bùi Xuân	Thành	14/6/1981	Nam	6.45	Trung bình khá	Thiếu			Qúa thời hạn ở lại trường
15	TC083102048	Nguyễn Xuân	Tuyên	20/6/1980	Nam	2.03	Trung bình		Nợ HP		
16	TC083102009	Nguyễn Văn	Đạt	10/12/1984	Nam	2.37	Trung bình khá		Nợ HP		

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2015

PHÒNG ĐÀO TẠO

ThS. Phạm Quang Hiếu